

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Du lịch - Thương mại Tây Ninh

Ngày	30,500 VNĐ		
31/03/2025			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-6.2%	-1.6%	-4.4%

DT thuần	Q1/25
59.4	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 37.5 171%	
YoY: ▲ 3.70 6.7%	

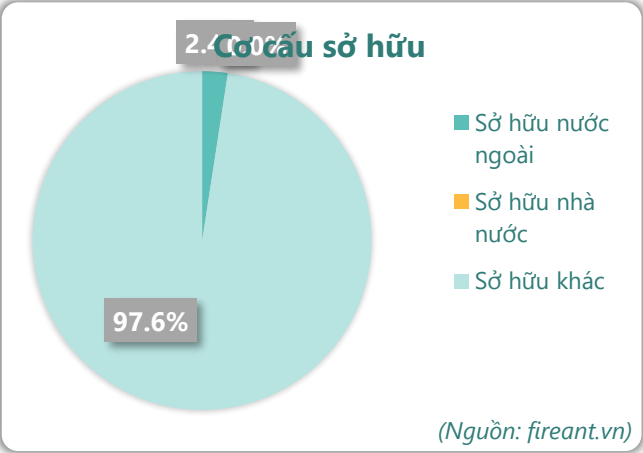
LN thuần	Q1/25
27.7	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 27.4 7803%	
YoY: ▲ 4.10 17.2%	

LN sau thuế	Q1/25
22.5	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 21.0 1369%	
YoY: ▲ 3.50 18.3%	

Tỷ suất lãi EBIT	Q1/25
47.3%	
YoY: +/- ▲ 38.5%	

ROE (TTM)	Q1/25
5.0%	
YoY: +/- ▲ 0.1%	

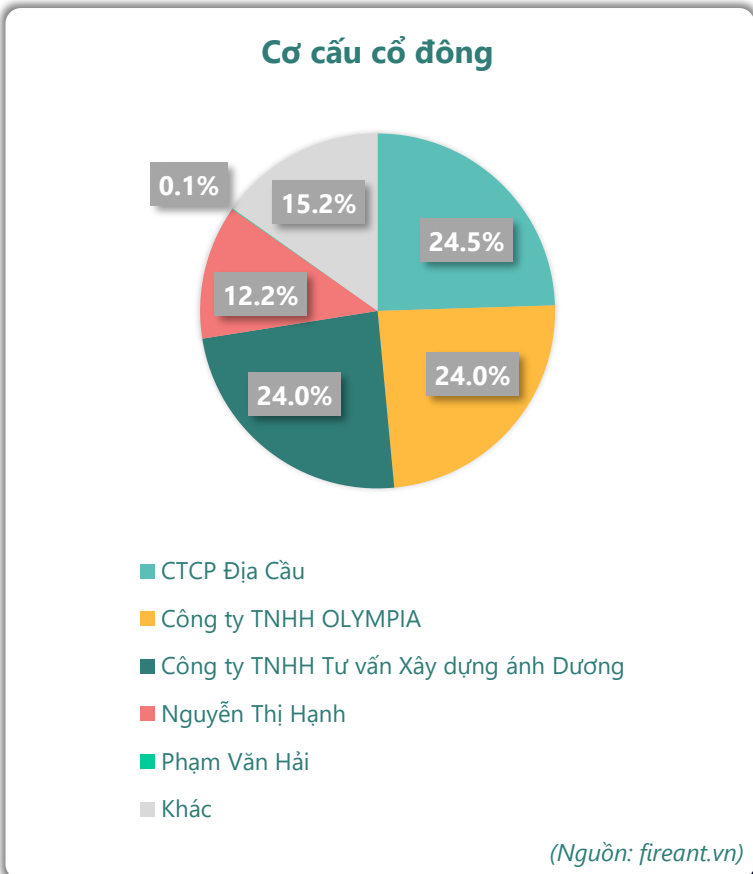
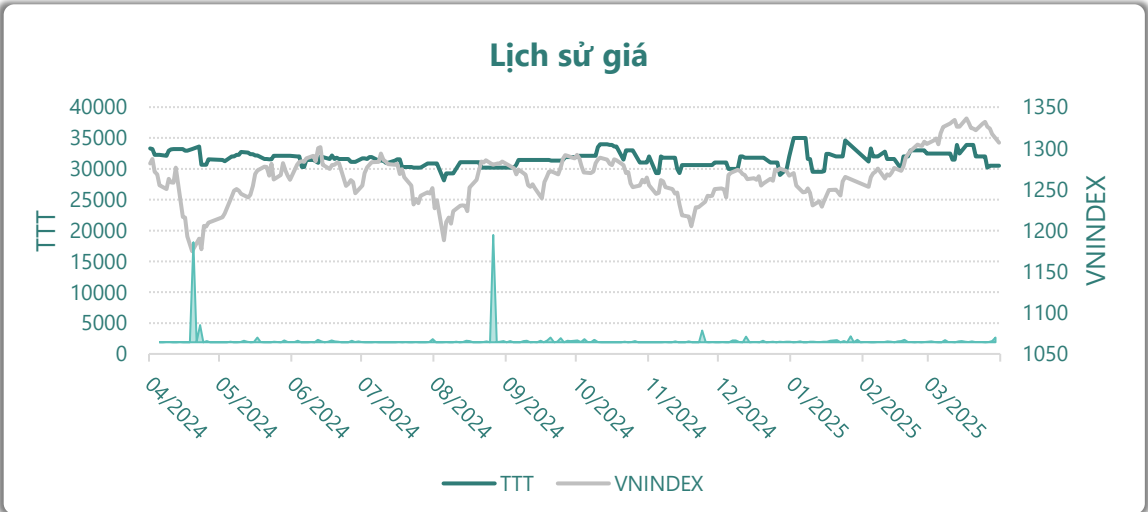
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	28,126 - 35,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	139
Số lượng CPLH (CP)	4,570,210
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,040
Sở hữu nước ngoài	2.4%
Beta	0.65
EPS	5,055
P/E	6.0



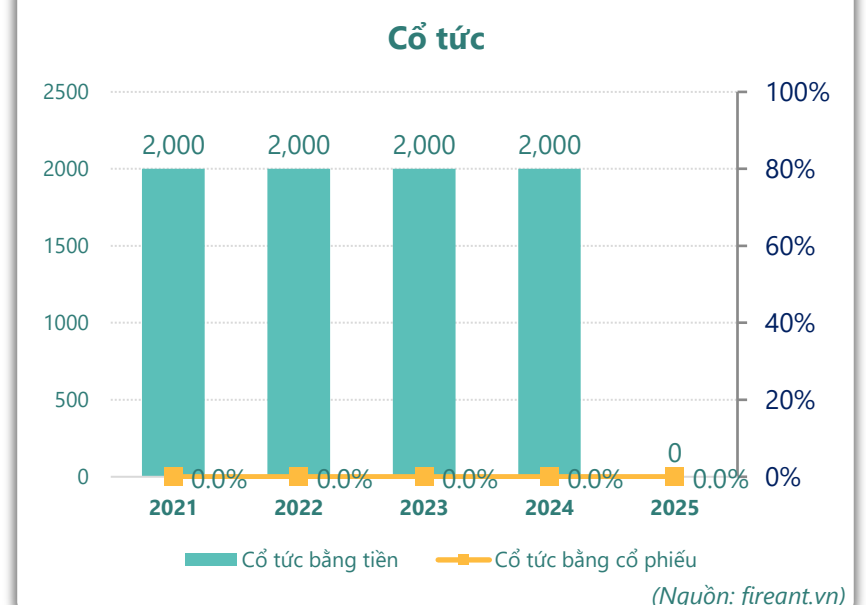
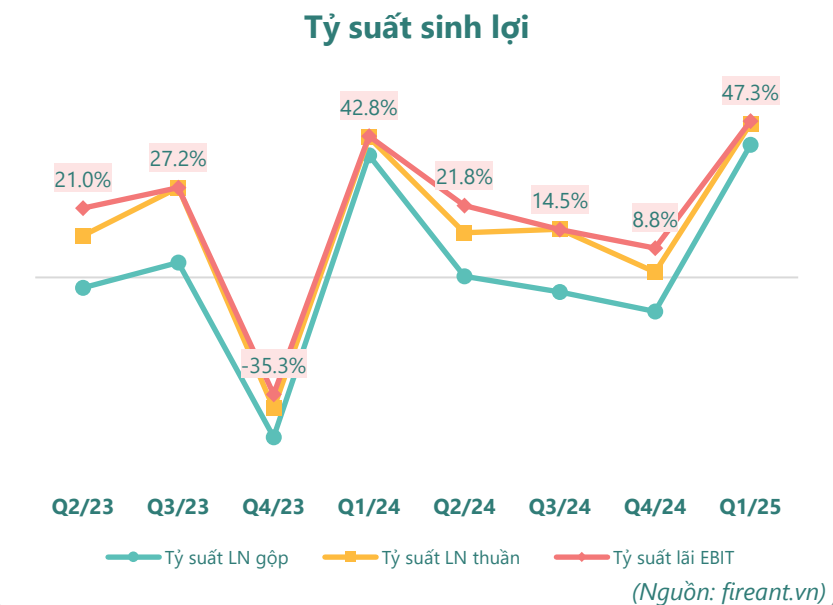
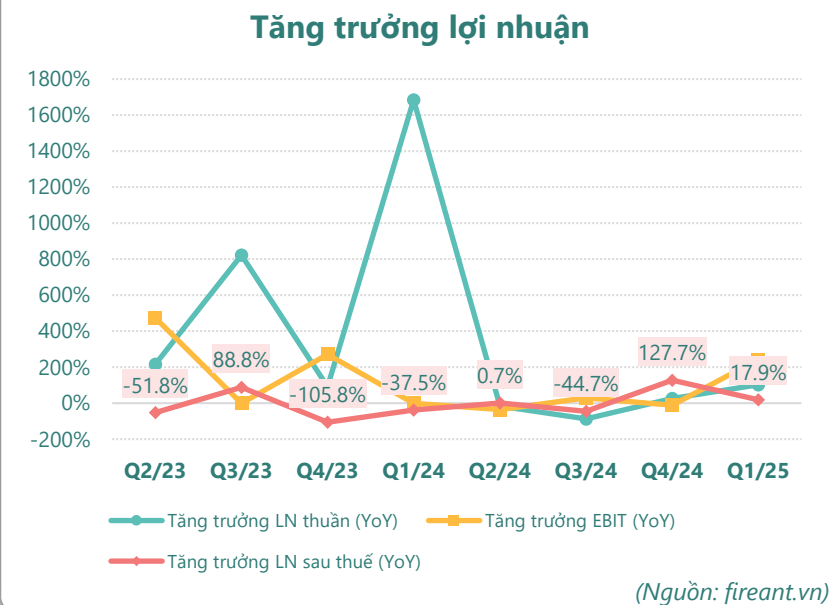
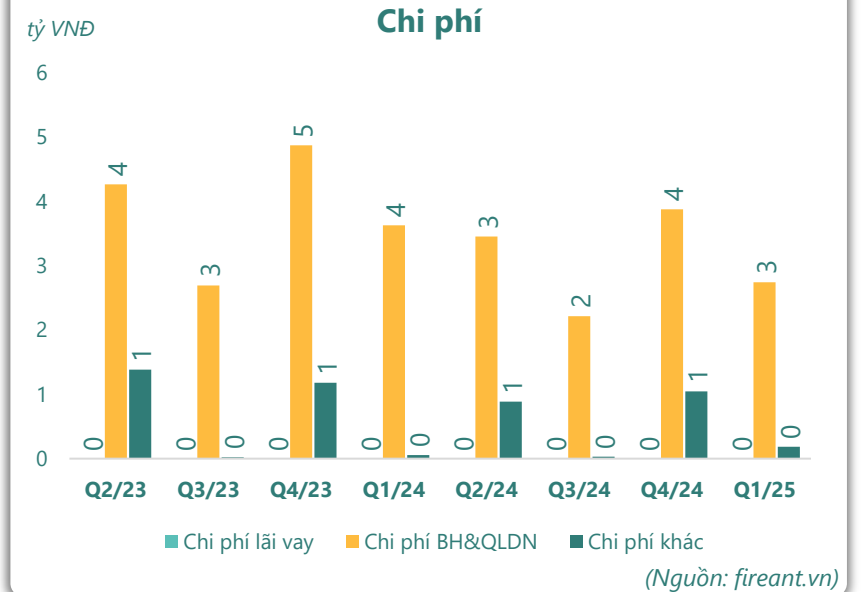
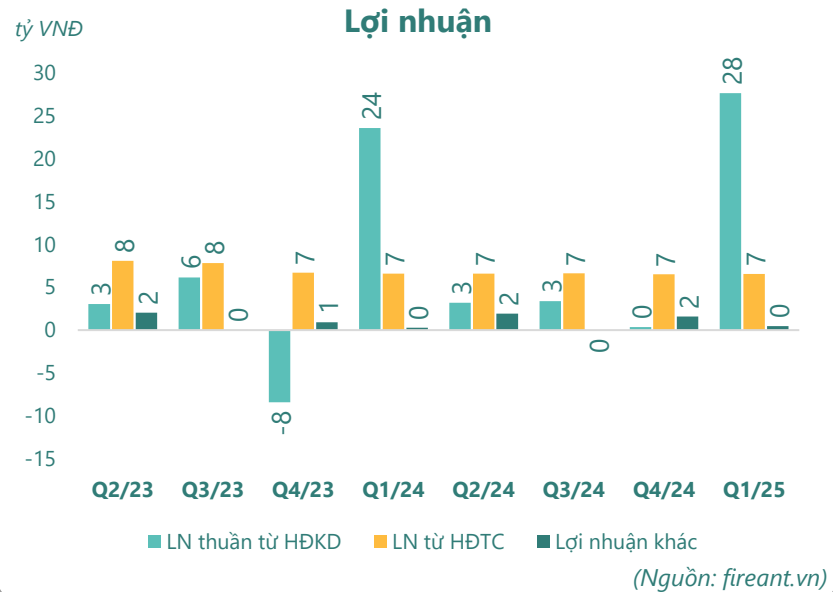
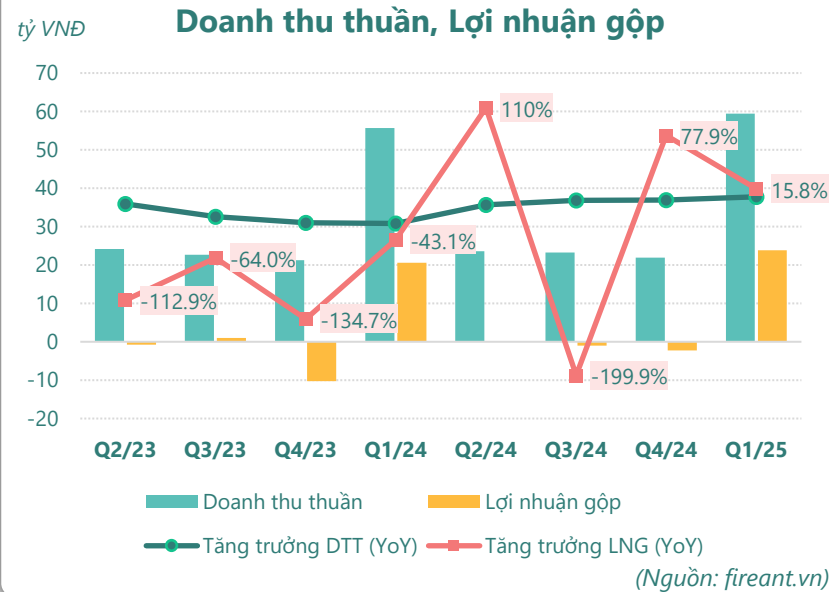
DT thuần	2024
124	tỷ VNĐ
YoY: ▼18.0 -12.1%	

LN thuần	2024
29.2	tỷ VNĐ
YoY: ▼9.80 -25.1%	

LN sau thuế	2024
26.3	tỷ VNĐ
YoY: ▼7.20 -21.5%	



KẾT QUẢ KINH DOANH

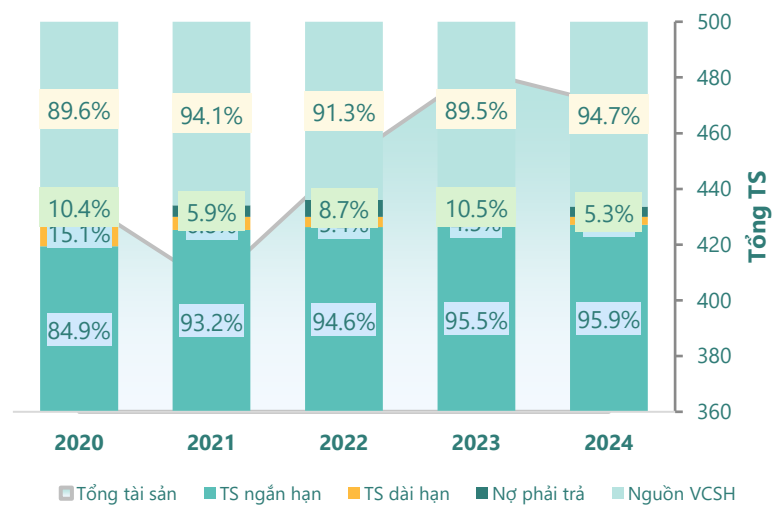




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

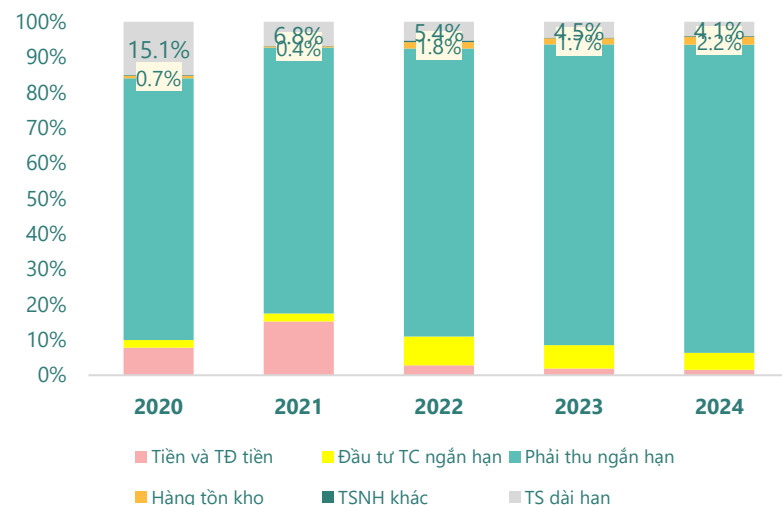
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

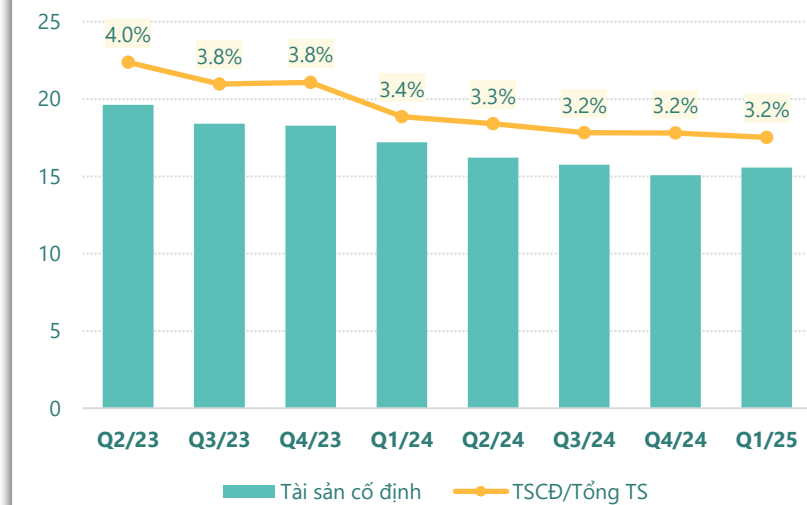
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

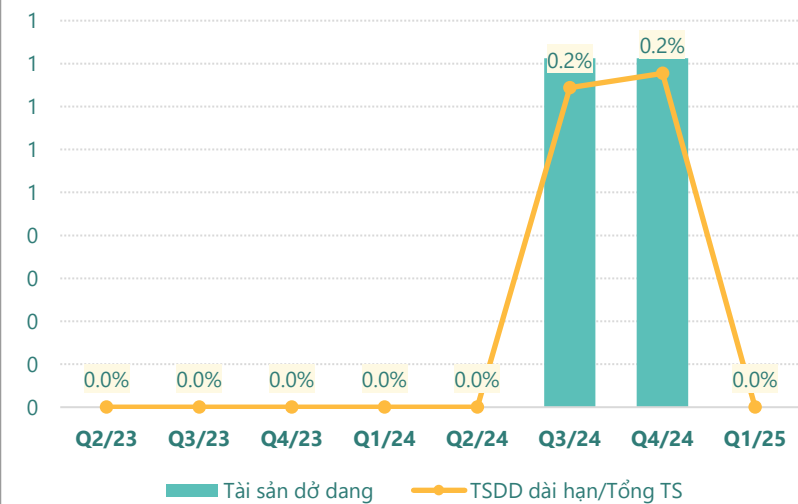
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

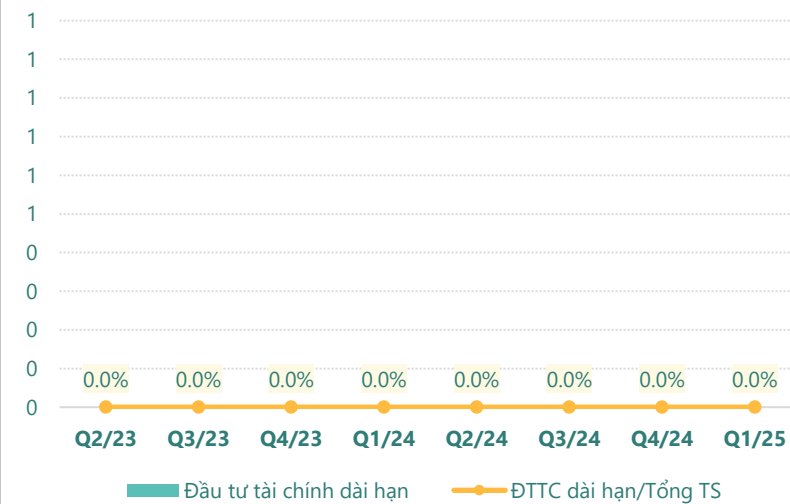
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

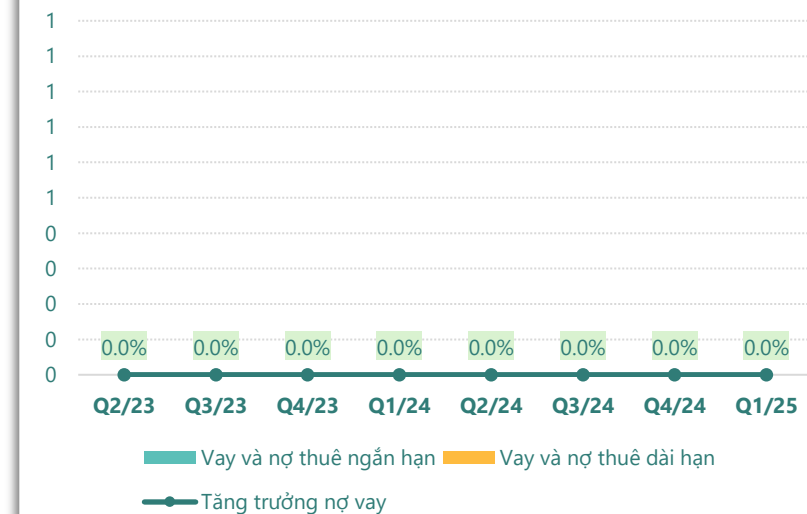
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



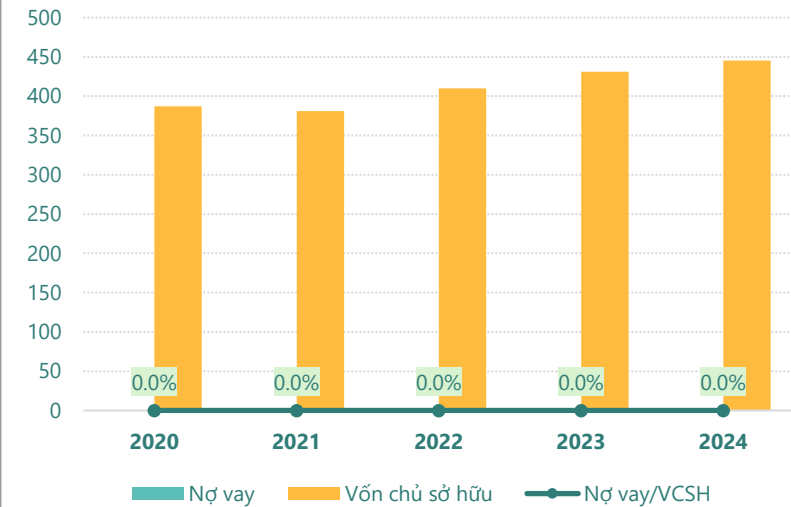
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

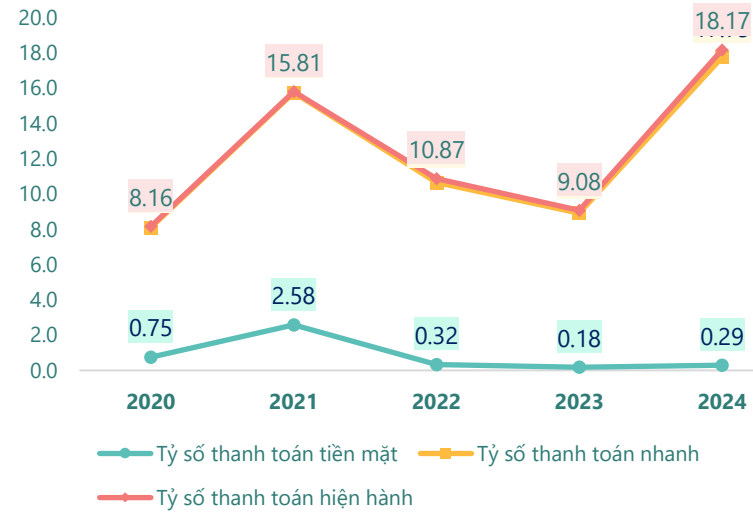
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



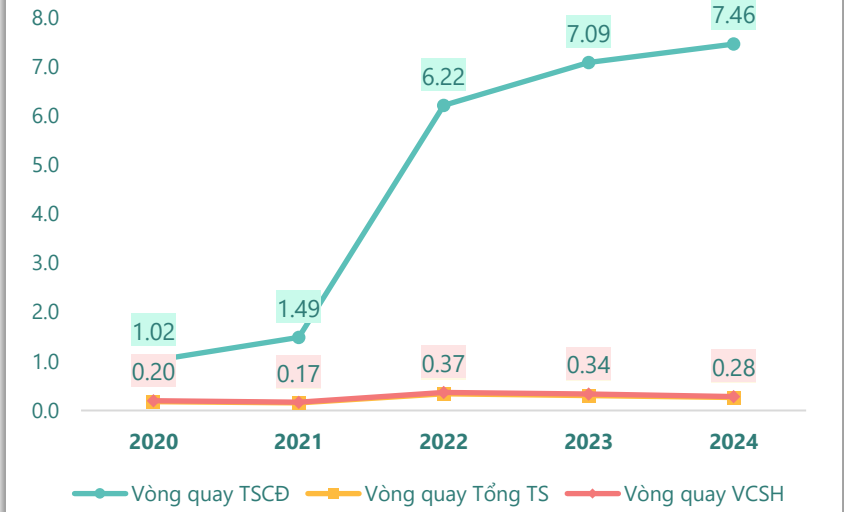
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



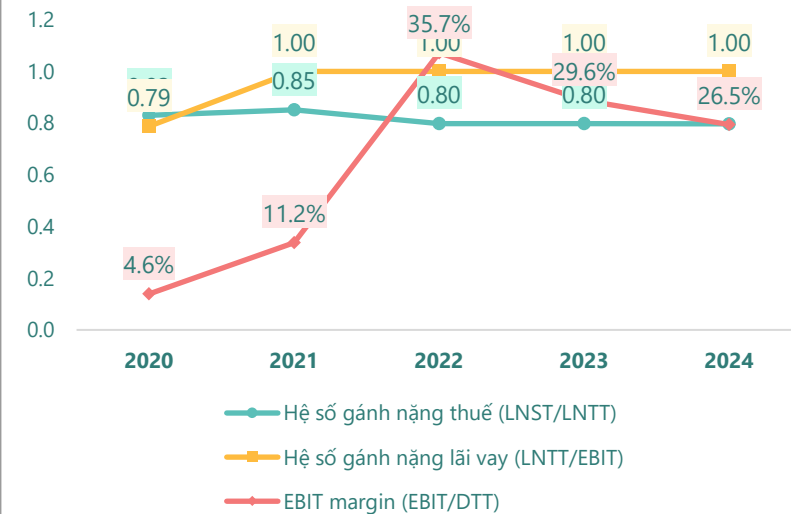
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



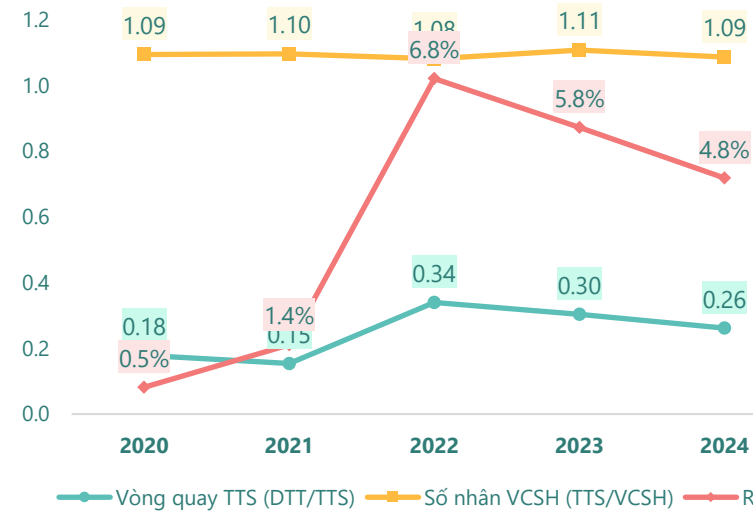
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



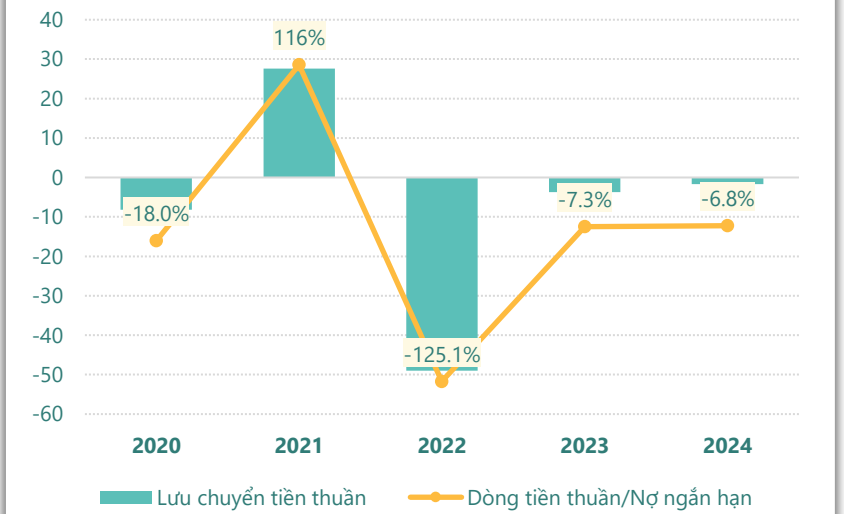
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	59.4	55.7	6.7%	124	142	-12.1%
Giá vốn hàng bán	35.6	35.1	1.4%	108	116	-7.0%
Lợi nhuận gộp	23.8	20.6	15.7%	16.5	25.5	-35.4%
Doanh thu HĐTC	6.56	6.60	-0.6%	26.3	30.4	-13.4%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.36	1.39	-73.8%	2.54	6.17	-58.8%
Chi phí QLDN	2.38	2.24	6.3%	11.0	10.8	2.6%
LN thuần từ HĐKD	27.7	23.6	17.2%	29.2	39.0	-25.1%
Lợi nhuận khác	0.46	0.27	72.2%	3.76	2.97	26.7%
LN trước thuế	28.1	23.8	18.2%	33.0	41.9	-21.4%
Lợi nhuận sau thuế	22.5	19.0	18.3%	26.3	33.5	-21.5%
LNST của CĐ cty mẹ	16.4	14.9	9.7%	21.0	24.5	-14.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-8.35	12.2	-22.9	-6.25	-14.2	10.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-11.0	-5.23	20.2	8.52	18.3	-6.73
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.22	0	0	0	-12.2	0
Tiền đầu kỳ	33.5	8.96	15.9	13.3	15.5	7.28
Lưu chuyển tiền thuần	-24.5	6.97	-2.68	2.27	-8.24	3.36
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.96	15.9	13.3	15.5	7.28	10.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	493	470	4.9%
Tài sản ngắn hạn	474	451	5.1%
Tiền và tương đương tiền	10.6	7.28	46.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	31.9	22.6	41.1%
Phải thu ngắn hạn	418	410	1.9%
Hàng tồn kho	9.32	10.5	-11.4%
Tài sản ngắn hạn khác	4.84	1.02	377%
Tài sản dài hạn	19.0	19.1	-0.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	15.6	15.1	3.3%
Bất động sản đầu tư	1.23	1.30	-5.5%
Tài sản dở dang	0	0.81	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2.23	1.88	18.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	25.6	24.8	3.0%
Nợ ngắn hạn	25.3	24.8	2.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	7.51	10.3	-27.0%
Nợ dài hạn	0.23	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	468	445	5.0%
Vốn chủ sở hữu	468	445	5.0%
Vốn điều lệ	45.7	45.7	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.14	0.15	-8.2%

(Nguồn: fireant.vn)

